

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG CỐNG
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2024/HNGĐ - ST
Ngày 25-3-2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Sỹ Nghiêm

2. Bà Bùi Thị Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 254/2023/TLST - HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/01/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐST-HNGĐ ngày 30/01/2024, Thông báo về thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa số 06/TB - MLPTXX ngày 16/02/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26/02/2024, Thông báo về thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa số 07/TB - MLPTXX ngày 15/3/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1995

Địa chỉ: Thôn P, xã M, huyện C, tỉnh Thanh Hóa

- Bị đơn: Anh Hoàng Mạnh V, sinh năm 1990

ĐKKHKT: Thôn P, xã M, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

(Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh V vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 20/11/2023, bản tự khai ngày 22/11/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Hoàng Mạnh V kết hôn với nhau trên cơ sở

tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 13/11/2012 tại Ủy ban nhân dân xã B (nay là Ủy ban nhân dân xã M), huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng thường xuyên xảy ra bất đồng quan điểm về các mối quan hệ trong cuộc sống. Mặc dù vợ chồng đã nhiều lần tự hòa giải nhưng tình trạng mâu thuẫn vẫn không thể cải thiện được. Dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Mỗi người ở mỗi nơi, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục kéo dài, vợ chồng không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Mạnh V.

- Về con chung: Chị và anh V có 2 con chung là Hoàng Mạnh T, sinh ngày 25/7/2013 và Hoàng Mạnh T1, sinh ngày 25/12/2015. Hiện nay 2 con đang ở với anh V tại thôn P, xã M. Khi ly hôn chị có nguyện vọng giao 2 con cho anh V trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng để ổn định nơi ở và nơi học tập cho các cháu. Chị có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con là 1.000.000đ/tháng (2 con là 2.000.000đ/tháng).

- Về tài sản và nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với anh Hoàng Mạnh V:* Tòa án nhân dân huyện Nông Công đã thực hiện tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và Giấy triệu tập cho anh Hoàng Mạnh V. Nhưng trong thời hạn quy định anh V không nộp văn bản nêu ý kiến của mình và cũng không đến Tòa án làm việc theo Giấy triệu tập.

* *Tại Biên bản xác minh ngày 10 tháng 01 năm 2024, bà Nguyễn Thị H1 - mẹ đẻ của anh Hoàng Mạnh V trình bày:* Anh Hoàng Mạnh V là con trai của bà, chị Nguyễn Thị H là con dâu. Anh chị kết hôn vào năm 2012 tại UBND xã B (nay là UBND xã M), huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn anh chị chung sống cùng gia đình bà ở thôn P, xã M. Quá trình chung sống, tình cảm anh chị bình thường, đến đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Đến cuối năm 2015 chị H tự ý bỏ nhà đi đến nay. Anh V và chị H sống ly thân từ cuối năm 2015 cho đến nay, mỗi người ở mỗi nơi, không ai quan tâm đến ai.

Hiện nay anh V làm nghề đi xe khách, thỉnh thoảng về nhà nhưng về trong thời gian ngắn nên sau khi nhận được bản sao đơn khởi kiện, Thông báo về việc thụ lý vụ án và Giấy triệu tập thì bà và con gái bà là chị Hoàng Thị H đã trực tiếp nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, thông báo ngay lại cho anh V biết và giao ngay lại khi anh V về nhà. Anh V có quan điểm như sau:

Về hôn nhân: Vợ chồng sống ly thân đã lâu, tình cảm dành cho nhau không còn nên anh đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

Về con chung: Anh V và chị H có 2 con chung là Hoàng Mạnh T, sinh ngày 25/7/2013 và Hoàng Mạnh T1, sinh ngày 25/12/2015. Khi ly thân chị H

đề 2 con ở nhà cho anh V chăm sóc, nuôi dưỡng từ năm 2015 cho đến nay. Nay ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết tiếp tục giao 2 con cho anh V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị H cấp dưỡng nuôi mỗi con là 1.000.000đ/tháng (2 con là 2.000.000đ/tháng) thì anh cũng đồng ý.

Về tài sản chung: Anh V và chị H không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về các văn bản tố tụng của Tòa án: Bà cam đoan sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án sẽ thông báo ngay lại cho anh V biết và giao ngay lại khi anh V về nhà.

* *Tại phiên tòa:* Chị Nguyễn Thị H vắng mặt. Tại Đơn xin xét xử vắng mặt chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Anh V vắng mặt không có lý do.

* *Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống tại phiên tòa sơ thẩm:*

- Về tố tụng:

+ Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách tố tụng của các đương sự; việc thực hiện các thủ tục tố tụng như xác minh thu thập chứng cứ, ban hành và giao các văn bản tố tụng đều đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS).

+ Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đầy đủ các quy định của BLTTDS.

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật và có đơn xin xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn chấp hành không đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật trong quá trình xây dựng hồ sơ và không có mặt tại phiên tòa. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ ba nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 238 BLTTDS.

- Về nội dung:

+ Chị H và anh V kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B (nay là UBND xã Y), huyện C, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 13/11/2012, vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân và

Gia đình xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; cho chị H được ly hôn anh V.

+ Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao 2 cháu là Hoàng Mạnh T, sinh ngày 25/7/2013 và Hoàng Mạnh T1, sinh ngày 25/12/2015 cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con là 1.000.000đ/tháng (2 con là 2.000.000đ/tháng).

+ Về tài sản chung: Chị H và anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Anh Hoàng Mạnh V có hộ khẩu thường trú tại thôn P, xã Y, huyện C, tỉnh Thanh Hóa nên chị Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Nông Cống giải quyết việc ly hôn là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 36 và Điều 39 BLTTDS.

Chị Nguyễn Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Hoàng Mạnh V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ ba nhưng anh V vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy cần áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 238 BLTTDS để xét xử vắng mặt chị H và anh V là đúng với quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2. 1]. Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Hoàng Mạnh V dựa trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Đánh giá về thực trạng quan hệ vợ chồng: Nguyên nhân mâu thuẫn là do trong cuộc sống vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2015 đến nay, không quan tâm đến nhau. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn với anh V. Về phía anh V, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng anh V vẫn vắng mặt. Tại biên bản xác minh bà Nguyễn Thị H1 là mẹ đẻ của anh V cung cấp thông tin anh V cũng đồng ý ly hôn với chị H. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, thời gian sống ly thân đã lâu, đời sống chung đã chấm dứt. Mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được nên áp

dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu của chị H được ly hôn anh V.

[2.2]. Về con chung: Chị H và anh V có 02 con chung là Hoàng Mạnh T, sinh ngày 25/7/2013 và Hoàng Mạnh T1 sinh ngày 25/12/2015. Hai con ở với anh V và gia đình bên nội tại thôn P, xã Y, huyện C, tỉnh Thanh Hóa từ khi vợ chồng sống ly thân năm 2015 cho đến nay. Anh V làm nghề xe khách, có thu nhập, đảm bảo điều kiện nuôi 2 con. Anh V và gia đình anh V xin được tiếp tục nuôi dưỡng 2 con. Cháu Hoàng Mạnh T và Hoàng Mạnh T1 cũng có nguyện vọng xin được với bố. Khi ly hôn chị H giao 2 con cho anh V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy để tránh xáo trộn cuộc sống của 2 cháu, đảm bảo điều kiện tốt nhất cho con trẻ cần giao 2 con cho anh V tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng, chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con là 1.000.000đ/tháng (2 con là 2.000.000đ/tháng). Thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 3/2024 đến khi 2 con thành niên. Phương thức cấp dưỡng định kỳ hằng tháng.

[2. 3]. Về tài sản và nợ chung: Chị H và anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 238, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326:

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện, chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Hoàng Mạnh V.

2. Về con chung: Giao 2 cháu Hoàng Mạnh T, sinh ngày 25/7/2013 và Hoàng Mạnh T1, sinh ngày 25/12/2015 cho anh V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con là 1.000.000đ/tháng (2 con là 2.000.000đ/tháng). Thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 3/2024 đến khi 2 con thành niên. Phương thức cấp dưỡng định kỳ hằng tháng.

Chị Nguyễn Thị H có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống theo biên lai thu số AA/2022/0005980 ngày 21/11/2023. Chị H còn phải nộp tiếp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Quyền kháng cáo: Chị H và anh V được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS H. Nông Cống;
- UBND xã Y;
- Lưu hs, vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trịnh Thị Hà

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Sỹ Nghiêm Bùi Thị Vân Trịnh Thị Hà